

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2021/HS-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Văn Hoa

2. Ông Thạch Tân Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tham gia phiên tòa: Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 7 năm 2022, Thông báo dời thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA, ngày 29/7/2022, đối với các bị cáo:

1. Đặng Thành T (L), sinh ngày 04/02/2003, tại Tiền Giang; giới tính: Nam; chứng minh nhân dân số 312558219, ngày cấp 16/8/2018, tại Công an Tiền Giang.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp GK, xã PT huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề Nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; con ông Đặng Thành T, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1980, cùng ngụ: Ấp GK, xã PT, huyện TPĐ, T Tiền Giang; vợ, con chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 29/4/2021, bị UBND xã PT, huyện Tân Phú Đông ra quyết định số 45/QĐ-UBND, áp dụng biên pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất Ma túy, chấp hành xong ngày 30/7/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/01/2022, theo Quyết định tạm giữ số 01, ngày 03/01/2022 có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quốc Tr (Q), sinh ngày 30/11/1998 tại xã PT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; chứng minh nhân dân số 312411685, ngày

cấp 10/11/2017, tại Công an Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PĐ, xã PT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề Nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1958 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1958, cùng ngụ: Ấp PĐ, xã PT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang; vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09, ngày 26/5/2022 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Phú Đông; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh Lê Thanh T, sinh năm 2001 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp BTM, xã PĐ, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Phạm Văn X (M), sinh năm 1973 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp LQM, xã PĐ, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Võ Thanh H, sinh năm: 1997 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Khu Phố LH, thị trấn VL, huyện GCD, Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp BTM, xã PĐ, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm: 2004 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã PT, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Trần Quách T, sinh năm: 1991 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã PT, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Dương Khánh Ng, sinh năm: 2001 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp BT xã PT, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

5. Anh Lê Hoàng D, sinh năm: 2004 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp GK, xã PT, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

6. Anh Võ Hoài Â, sinh năm: 2004 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp BL, xã PT, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

7. Anh Tăng Hoàng Quốc T, sinh năm: 2002 (*xin vắng*).

Địa chỉ: BL, xã PT, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh Phạm Minh T (V), sinh năm: 1997 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp LQM, xã PĐ, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Lê Thị M, sinh năm: 1961 (*xin vắng*).

Địa chỉ: Ấp LQM, xã PĐ, huyện Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 19 giờ ngày 08/10/2021, anh H tổ chức uống rượu tại nhà gần đầm nuôi tôm của anh H. Tham gia uống rượu gồm có: Anh H cùng anh T, chị Tr, anh T, anh N. Trong lúc uống rượu, anh T gọi điện đến điện thoại của anh

Th. Sau đó, anh T nói chuyện với bị cáo T. Anh T và bị cáo T cự cãi, thách thức và hẹn đánh nhau tại cầu Ván thuộc ấp BTM, xã PD, huyện TPĐ.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo T cùng anh D, anh Th, anh A đi bằng xe mô tô đến điểm hẹn đánh nhau. Trên đường đi, anh D ghé vào nhà lấy 01 con dao tự chế, đưa cho bị cáo T cầm theo. Trên đường đi, nhóm của bị cáo T gặp chị Tr và yêu cầu chị Tr dẫn đường đến chỗ anh T. Chị Tr không đồng ý thì bị cáo T dùng dao chém vào yên và phần cản sau của xe mô tô chị Tr đang chạy (xe chị Tr mượn của anh T). Chị Tr hoảng sợ nên đồng ý dẫn đường và ngồi phía sau xe để anh Th chở. Chị Tr dẫn nhóm bị cáo T đến đường dẫn vào đầm nuôi tôm của anh H thì dừng lại. Anh A và anh Th đứng ngoài canh chừng, bị cáo T cầm dao cùng anh D đi vào trong nhà anh H. Lúc này, anh T đã say rượu nằm ngủ trên võng. Anh H đi vệ sinh ở phía sau nhà. Anh T và anh Ng đang ngồi nhậu trong nhà thì nghe tiếng chó sủa nên anh T bước ra xem thì thấy bị cáo T cùng anh D đang đi vào nhà. Anh T la lên “*tụi nó xuống cầm dao chém anh em mình*” rồi bỏ chạy ra phía sau nhà anh T gặp anh H nên kêu anh H cùng bỏ chạy. Anh Ng nghe anh T la thì chạy vào nhà vệ sinh chốt cửa lại. Bị cáo T dùng dao chém vào bàn nhậu rồi nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S của anh H để ở vị trí ngồi nhậu. Bị cáo T lấy điện thoại bỏ vào túi quần đang mặc. Bị cáo T tiếp tục dùng dao chém vào võng anh T đang nằm và kêu anh T thức dậy. Bị cáo T hỏi anh T, anh H và anh T ở đâu thì anh T bỏ chạy ra bên hong nhà. Khi chạy ra ngoài, anh T gặp anh D. Anh D nhặt đoạn gỗ có sẵn bên hong nhà đánh vào vùng đầu anh T, không gây thương tích. Anh T bỏ chạy. Bị cáo T tiếp tục dùng dao chém vào đầu xe mô tô biển số 63B8-641.62 của anh T làm hư ốp nhựa phần đầu, hư cụm đồng hồ của xe. Khi thấy những người trong nhà đã bỏ chạy hết, bị cáo T cùng anh D đi trở ra ngoài. Khi gặp anh Th và anh A đứng bên ngoài, bị cáo T nói “*tao lấy điện thoại tụi nó luôn bây ơi*”. Anh Th nói “*lấy điện thoại tụi nó chi*” nhưng sau đó cả nhóm không nói gì và cả nhóm lên xe chạy về nhà. Đến ngày 09/10/2021, gia đình của anh H gọi điện vào điện thoại của anh H (bị cáo T đang giữ) để yêu cầu trả lại điện thoại nhưng bị cáo T không trả và đập điện thoại xuống nền nhà làm hư điện thoại.

Vụ thứ 2: Khoảng 19 giờ, ngày 01/01/2022, bị cáo T đi tiệc sinh nhật tại nhà anh Phạm Ngọc T thì gặp bị cáo Tr. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị cáo Tr chở bị cáo T và anh Ng bằng xe mô tô biển số 63B5-385.11 mượn của Nguyễn Chí Tr, đến nhà chị Lê Thị Huyền Tr ở ấp Giồng Keo để tiếp tục uống bia. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, bị cáo Tr chở bị cáo T bằng mô tô biển số 63B5-385.11 đến xã PT, huyện TPĐ T để sử dụng Ma túy. Trên đường đi, khi đến cầu Cỏ Thu thuộc xã PT thì bị cáo Tr dừng xe lại cho bị cáo T đi vệ sinh. Lúc này, anh Minh T chạy xe mô tô chở ông X (ông X là chú anh Minh T) chạy xe ngang qua chỗ bị cáo T. Bị cáo T chửi thề và nói “*chạy xe gì vậy*” và lên xe ngồi để bị cáo Tr chạy theo xe anh Minh T. Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 02/01/2022, khi bị cáo Tr chạy xe đuổi theo **đến nhà ông X thì** bị cáo T xuống xe nhặt một đoạn cây gỗ vuông dài 83cm cầm theo và đi vào **nhà đánh nhau với anh X**. Bị cáo Tr cũng nhặt viên gạch ống (loại 02 lỗ) cầm trên tay và đi theo vào nhà ông X thì bị anh Minh T ngăn lại. Trong lúc bị cáo T và ông X đánh nhau. Bị cáo T nắm vào cổ áo của anh

X. Khi bị cáo T phát hiện ông X có mang 01 sợi dây chuyền thì bị cáo T giật đứt sợi dây chuyền của ông X rồi bỏ chạy khỏi nhà ông X. Khi bị cáo T chạy được khoảng 100m thì đến nhà của bà Lê Thị M. Bà M phát hiện có người bên ngoài cửa sau nhà, nên ra mở cửa. Bị cáo T thấy bà M thì nói: “*Cô cho xin vô nhà núp chút con về, con bị người ta đánh*”. Bà M cho bị cáo T vào nhà. Bị cáo T chui xuống sàn giường núp và để sợi dây chuyền dưới sàn giường. Sau đó, bị cáo T lên chiếc võng nằm ngủ đến sáng.

Sau khi bị cáo T bỏ chạy, bị cáo Tr bị anh Minh T và ông X giữ lại thì bị cáo Tr dùng viên gạch đang cầm đánh 01 cái vào vùng đầu, phía trước (tráng) của ông X làm ông X bị thương tích rồi bỏ chạy, bỏ lại xe mô tô 63B5 - 385.11. Bị cáo Tr chạy một đoạn rồi đến nhà bà M và ghé vào nhà bà M. Một lúc sau, bị cáo Tr bỏ đi về nhà. Đến khoảng 05 giờ ngày 02/01/2022, bà M nhặt được sợi dây chuyền và gọi bị cáo T thức dậy. Bà M hỏi bị cáo T có giật dây chuyền của ông X hay không, thì bị cáo T nói không. Lúc này, bị cáo T hỏi mượn điện thoại bà M để gọi người nhà đến rước về nhưng bà M không có điện thoại nên dẫn bị cáo T sang nhà con ruột tên Nguyễn Thị Cẩm H (ở sát nhà bà M) để bị cáo T mượn điện thoại gọi người nhà đến rước. Khoảng 10 phút sau, mẹ bị cáo T đến thì bà M đưa ra sợi dây chuyền ra và nói “*sợi dây chuyền T giật của người ta chạy vào nhà tôi rút ngay cửa sau*”. Sau đó, mẹ của bị cáo T đi cùng bà M đến nhà ông X để trả lại sợi dây chuyền. Ông X xác định sợi dây chuyền đúng là của ông X bị giật nhưng bị mất một đoạn. Mất dây chuyền ông X nhặt được tại nơi đánh nhau.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTPĐ ngày 14/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ đã truy tố các bị cáo về các tội như sau:

- Truy tố bị cáo T về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Truy tố bị cáo Nguyễn Quốc Tr về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung truy tố như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

** Về trách nhiệm hình sự:*

Đề nghị tuyên bố bị cáo Đặng Thành T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự và tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc Tr về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Hình phạt chính:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 178; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Đặng Thành T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2022.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Đặng Thành T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2022.

Áp dụng Điều 55 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc Tr từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

** Về xử lý vật chứng:*

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại màu trắng rỉ sét, có tổng chiều dài là 92cm, phần lưỡi bằng kim loại một mặt sắc bén, bề bản lưỡi rộng nhất là 03cm, nơi hẹp nhất 2,5cm, mũi nhọn, chiều dài của lưỡi là 67cm, có cán bằng kim loại hình bầu dục được quấn bằng keo đen, chiều dài của cán là 25cm; 01 (một) viên gạch bị bể nhiều mảnh, loại gạch hai lỗ, kích thước mảnh gạch bể lớn nhất (0,1 x 0,08 x 0,04)m; 01 (một) đoạn gỗ bị gãy thành 04 (bốn) đoạn không đều nhau, tổng chiều dài 83cm, phần rộng nhất 04cm, hẹp nhất 02cm, dày 02cm.

- Đối với 01 (một) đĩa DVD bên trong có đoạn camera lúc vụ án xảy ra. Đây là vật chứng dữ liệu điện tử nên lưu vào hồ sơ vụ án.

** Về trách nhiệm dã sự:* Không xem xét.

** Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo T và bị cáo Tr có trình bày, đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, người bị hại Lê Thanh T; người có quyền lợi và Ng vụ liên quan: Võ Thanh H, Nguyễn Thị Diễm Tr, Trần Quách T, Dương Khánh Ng, Lê Hoàng D, Võ Hoài Â, Tăng Hoàng Quốc T, Phạm Minh T, Lê Thị M, có đơn xin vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại, người liên quan đã được nhận lại tài sản, đã nhận tiền đền bù thiệt hại và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi và Ng vụ liên quan trên.

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TPĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ, Kiểm sát viên; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

** Đối với bị cáo T:*

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận:

Khoảng 19 giờ, ngày 08/10/2021 do tức giận khi nhóm của anh T thách thức đánh nhau nên bị cáo T đã cùng anh D, anh Th, anh A đến đầm nuôi tôm của anh H để đánh nhau với nhóm anh T. Khi đến nơi, không gặp được nhóm anh T nên bị cáo đã dùng dao tự chế, chém vào xe anh T và lấy điện thoại của anh H. Bị cáo T biết rõ việc đập phá tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cố ý dùng dao chém vào xe của anh T làm hư hỏng xe. Số tiền sửa chữa xe anh T là 3.500.000đ. Ngoài ra, bị cáo T còn chém vào yên và cản sau xe anh T nhưng anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Như vậy, giá trị tài sản bị cáo T làm hư hỏng đã vi phạm quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo T còn lấy điện thoại của anh H có giá trị 1.050.000đ. Tuy nhiên, trị giá điện thoại tại thời điểm bị cáo T lấy trộm, chưa đủ định lượng truy tố về tội trộm cắp tài sản. Theo lời khai của bị cáo, lời khai những người có quyền lợi và Ng vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, anh D và bị cáo T có thống nhất đi tìm nhóm của anh T để đánh nhau. Anh D ghé nhà lấy dao tự chế mang theo với mục đích đi đánh nhau nhưng hành vi đánh nhau không xảy ra nên không xem xét trách nhiệm của anh D.

Đến khoảng 19 giờ, ngày 01/01/2022, trên đường đi đến xã PT, cùng với bị cáo Tr. Bị cáo T và bị cáo Tr xảy ra cự cãi với anh Minh T. Sau đó, bị cáo T và bị cáo Tr chạy xe tìm đến nhà ông X để đánh nhau với ông X. Trong lúc đánh nhau, bị cáo T đã giật sợi dây chuyền ông X đang đeo trên cổ và bỏ chạy. Qua giám định, sợi dây chuyền trị giá **40.206.196 đồng**. Như vậy, hành vi bị cáo T giật dây chuyền của ông X đã vi phạm quy định tại khoản 1 điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc bị cáo T ngủ nhờ nhà bà M sau khi giật dây chuyền của ông X, bà M không biết bị cáo T vừa phạm tội nên không xem xét trách nhiệm của bà M.

- *Đối với bị cáo Tr:* Khi bị cáo T giật dây chuyền của ông X và bỏ chạy thì bị cáo Tr bị ông X và anh Minh T giữ lại. Bị cáo Tr dùng viên gạch đánh vào vùng đầu phía trán làm ông X gây thương. Qua giám định, thương tích, vết thương của ông X có tỉ lệ là 2%. Tuy tỉ lệ thương tích của ông X là 2% nhưng bị cáo Tr dùng viên gạch loại 02 lỗ - là loại gạch cứng nên là phương tiện nguy hiểm và đánh vào vùng đầu của ông X. Như vậy, bị cáo Tr đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1

điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, là dùng hung khí nguy hiểm, gây thương tích cho ông X.

Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và Ng vụ liên quan, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 178 và tội: “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 điều 171; bị cáo Tr đã phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhÃ dÃ huyện TPĐ, truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ tài tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dÃ, đồng thời hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện Th độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, việc áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tiền án. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, người bị hại Phạm Văn X, xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo. Riêng bị cáo Tr phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).; cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo T có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy nhưng đã chấp hành xong vào ngày 30/7/2021; giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T theo quy định tại điểm b, s khoản 1. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho anh T: 01 (một) xe mô tô) Suzuki Satria, màu đen biển số 63B8 - 641.62; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 63B8 - 641.62; trả cho anh H: 01 (một) sim Viettel, mặt sau sim có số 8984048008828533814; 01 (một) điện thoại di động; trả cho anh Chí Tr, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Winner, màu xanh, biển số 63B5 - 385.11; trả cho ông X: 01 (một) một gói được niêm phong có chữ ký ghi tên Trần Thị M, Nguyễn Thanh B bên trong có một mặt dây chuyền hình phật được bọc kim loại màu vàng; 01 sợi

dây chuyền bằng kim loại, màu vàng. Xét thấy, việc trao trả tài sản cho các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên ghi nhận.

Đối với số vật chứng còn tạm giữ:

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại, 01 (một) viên gạch bị bể nhiều mảnh, 01 (một) đoạn gỗ bị gãy thành 04 (bốn) đoạn; là dụng cụ phạm tội, có giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) đĩa DVD bên trong có đoạn camera lúc xảy ra đánh nhau, là chứng cứ của vụ án, tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận xong tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét thấy lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đối với bị cáo Đặng Thành T:

- Căn cứ khoản 1 điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo Đặng Thành T phạm tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Xử phạt bị cáo Đặng Thành T 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo Đặng Thành T phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”. Xử phạt bị cáo Đặng Thành T 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt của hai tội, xử phạt bị cáo Đặng Thành T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 03/01/2022.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc Tr:

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 134, Điều 65, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc Tr phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Tr 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo Nguyễn Quốc Tr cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TPĐ, T Tiền Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Trường hợp bị cáo Nguyễn Quốc Tr thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm Ng vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;
- + Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại, 01 (một) viên gạch bị bể nhiều mảnh, 01 (một) đoạn gỗ bị gãy thành 04 (bốn) đoạn không đều nhau, là dụng cụ phạm tội;
- + Tịch thu, lưu cùng hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD bên trong có đoạn camera ghi lại cảnh đánh nhau.

4. Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Bị cáo Đặng Thành T và bị cáo Nguyễn Quốc Tr, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại, người liên quan;
- Viện kiểm sát ND H. TPĐ;
- Viện kiểm sát ND T. Tiền Giang;
- Chi cục THA H. TPĐ;
- Lưu: AV, HS vụ án.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI